



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

Website: www.dawaco.com.vn; Email: dawacojsc@gmail.com



Trụ sở: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3697.737; Fax: (0236) 3697.222; LabDawaco: (0236) 3702.662

Số: 358-2/CLN/LABDAWACO

Ngày 18/10/2021

Trang 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Tên mẫu : NƯỚC XỬ LÝ NHÀ MÁY NƯỚC CẦU ĐỒ

Vị trí lấy mẫu : Nhà máy nước Cầu Đồ

Ngày lấy mẫu : 11/10/2021

Tuần : 42

Tháng: 10/2021

Ngày nhận mẫu : 11/10/2021

Ký hiệu mẫu : 358-2

Số lượng/Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong bình nhựa khoảng 2 lít và 02 chai thủy tinh khoảng 200ml/chai

Người lấy mẫu : Huỳnh Thị Phương Thảo

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	KPH (MDL=2)	≤15	Từ ngày 11/10/2021 đến 16/10/2021
2	Mùi vị		Cảm quan (*)	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	
3	Độ đục	NTU	Ref TCVN 6184:2008	0,98	≤2	
4	pH	pH	TCVN 6492:2011	6,79	6,5-8,5	
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/l	TCVN 6224:1996	26	≤300	
6	Hàm lượng Clorua	mg/l	TCVN 6194:1996	16,3	≤300	
7	Hàm lượng Sắt tổng số	mg/l	TCVN 6177:1996	KPH (MDL=0,010)	≤0,3	
8	Hàm lượng Mangan tổng số	mg/l	TCVN 6002:1995	KPH (MDL=0,012)	≤0,3	
9	Hàm lượng Nitrit	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	KPH (MDL=0,015)	≤3	
10	Hàm lượng Nitrat	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	2,24	≤50	
11	Hàm lượng Sunphat	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	4,4	≤250	
12	Chỉ số Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,56	≤2	
13	Coliform tổng số	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	< 1 (KPH)	0	
14	E. coli		TCVN 6187-2:1996	< 1 (KPH)	0	
15	Clo dư	mg/l	Ref SMEWW4500-Cl	0,47	0,3 - 0,5	11/10/2021

*** Ghi chú:**

- Quá trình lấy mẫu được thể hiện theo Biên bản lấy mẫu và bản giao mẫu nước số: 358/LAB ngày 11/10/2021.
- Tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống do Bộ Y tế ban hành.
- 'Phiếu Kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Dawaco.
- LabDawaco không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

KPH: Không phát hiện.

(*): Phương pháp thử chưa đăng ký công nhận.

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

*** Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN PHƯỚC THƯƠNG**

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

PHẠM VIỆT HƯNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

Website: www.dawaco.com.vn; Email: dawacojsc@gmail.com



Trụ sở: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3697.737; Fax: (0236) 3697.222; LabDawaco: (0236) 3702.662

Số: 350-1/CLN/LABDAWACO

Ngày 11/10/2021

Trang 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Tên mẫu : NƯỚC XỬ LÝ NHÀ MÁY NƯỚC CẦU ĐỎ

Vị trí lấy mẫu : Nhà máy nước Cầu Đỏ

Ngày lấy mẫu : 04/10/2021

Tuần : 41

Tháng: 10/2021

Ngày nhận mẫu : 04/10/2021

Ký hiệu mẫu : 350-1

Số lượng/Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong bình nhựa khoảng 2 lít và 02 chai thủy tinh khoảng 200ml/chai

Người lấy mẫu : Huỳnh Thị Phương Thảo

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	KPH (MDL=2)	≤15	Từ ngày 04/10/2021 đến 09/10/2021
2	Mùi vị		Cảm quan (*)	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	
3	Độ đục	NTU	Ref TCVN 6184:2008	1,31	≤2	
4	pH	pH	TCVN 6492:2011	6,80	6,5-8,5	
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/l	TCVN 6224:1996	29	≤300	
6	Hàm lượng Clorua	mg/l	TCVN 6194:1996	17,9	≤300	
7	Hàm lượng Sắt tổng số	mg/l	TCVN 6177:1996	KPH (MDL=0,010)	≤0,3	
8	Hàm lượng Mangan tổng số	mg/l	TCVN 6002:1995	KPH (MDL=0,012)	≤0,3	
9	Hàm lượng Nitrit	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	KPH (MDL=0,015)	≤3	
10	Hàm lượng Nitrat	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	1,36	≤50	
11	Hàm lượng Sunphat	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	3,3	≤250	
12	Chỉ số Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,53	≤2	
13	Coliform tổng số	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	< 1 (KPH)	0	
14	E. coli		TCVN 6187-2:1996	< 1 (KPH)	0	
15	Clo dư	mg/l	PP so màu orthotolidine (*)	0,50	0,3 - 0,5	4/10/2021

*** Ghi chú:**

- Quá trình lấy mẫu được thể hiện theo Biên bản lấy mẫu và bàn giao mẫu nước số: 350/LAB ngày 04/10/2021.
- Tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống do Bộ Y tế ban hành.
- 'Phiếu Kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Dawaco.
- LabDawaco không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

KPH: Không phát hiện.

(*): Phương pháp thử chưa đăng ký công nhận.

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

*** Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN PHƯỚC THƯƠNG**

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM *ghu*

Phạm Việt Hưng
PHẠM VIỆT HƯNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM



Website: www.dawaco.com.vn; Email: dawacojsc@gmail.com

Trụ sở: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3697.737; Fax: (0236) 3697.222; LabDawaco: (0236) 3702.662

Số: 336-1/CLN/LABDAWACO

Ngày 04/10/2021

Trang 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Tên mẫu : NƯỚC XỬ LÝ NHÀ MÁY NƯỚC CẦU ĐỎ

Vị trí lấy mẫu : Nhà máy nước Cầu Đỏ

Ngày lấy mẫu : 27/09/2021

Tuần : 40

Tháng: 10/2021

Ngày nhận mẫu : 27/09/2021

Ký hiệu mẫu : 336-1

Số lượng/Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong bình nhựa khoảng 2 lít và 02 chai thủy tinh khoảng 200ml/chai

Người lấy mẫu : Phạm Thị Thúy

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	KPH (MDL=2)	≤15	Từ ngày 27/09/2021 đến 02/10/2021
2	Mùi vị		Cảm quan (*)	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	
3	Độ đục	NTU	Ref TCVN 6184:2008	0,83	≤2	
4	pH	pH	TCVN 6492:2011	6,95	6,5-8,5	
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/l	TCVN 6224:1996	29	≤300	
6	Hàm lượng Clorua	mg/l	TCVN 6194:1996	17,4	≤300	
7	Hàm lượng Sắt tổng số	mg/l	TCVN 6177:1996	< 0,030 (MQL)	≤0,3	
8	Hàm lượng Mangan tổng số	mg/l	TCVN 6002:1995	KPH (MDL=0,012)	≤0,3	
9	Hàm lượng Nitrit	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	KPH (MDL=0,015)	≤3	
10	Hàm lượng Nitrat	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	2,16	≤50	
11	Hàm lượng Sunphat	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	2,6	≤250	
12	Chỉ số Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,56	≤2	
13	Coliform tổng số	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	< 1 (KPH)	0	
14	E. coli		TCVN 6187-2:1996	< 1 (KPH)	0	
15	Clo dư	mg/l	Ref SMEWW4500-CI	0,50	0,3 - 0,5	27/9/2021

*** Ghi chú:**

- Quá trình lấy mẫu được thể hiện theo Biên bản lấy mẫu và bàn giao mẫu nước số: 336/LAB ngày 27/09/2021.
- Tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống do Bộ Y tế ban hành.
- 'Phiếu Kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Dawaco.
- LabDawaco không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

KPH: Không phát hiện.

(*): Phương pháp thử chưa đăng ký công nhận.

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

*** Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

PHẠM VIỆT HƯNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN PHƯỚC THƯƠNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

Website: www.dawaco.com.vn; Email: dawacojsc@gmail.com



Trụ sở: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3697.737; Fax: (0236) 3697.222; LabDawaco: (0236) 3702.662

Số: 328-1/CLN/LABDAWACO

Ngày 27/09/2021

Trang 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Tên mẫu : NƯỚC XỬ LÝ NHÀ MÁY NƯỚC CẦU ĐỎ

Vị trí lấy mẫu : Nhà máy nước Cầu Đỏ

Ngày lấy mẫu : 20/09/2021

Tuần : 39

Tháng: 09/2021

Ngày nhận mẫu : 20/09/2021

Ký hiệu mẫu : 328-1

Số lượng/Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong bình nhựa khoảng 2 lít và 02 chai thủy tinh khoảng 200ml/chai

Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Mỹ Hà

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	< 5 (MQL)	≤15	Từ ngày 20/09/2021 đến 25/09/2021
2	Mùi vị		Cảm quan (*)	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	
3	Độ đục	NTU	Ref TCVN 6184:2008	0,79	≤2	
4	pH	pH	TCVN 6492:2011	6,91	6,5-8,5	
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/l	TCVN 6224:1996	30	≤300	
6	Hàm lượng Clorua	mg/l	TCVN 6194:1996	18,7	≤300	
7	Hàm lượng Sắt tổng số	mg/l	TCVN 6177:1996	KPH (MDL=0,010)	≤0,3	
8	Hàm lượng Mangan tổng số	mg/l	TCVN 6002:1995	KPH (MDL=0,012)	≤0,3	
9	Hàm lượng Nitrit	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	KPH (MDL=0,015)	≤3	
10	Hàm lượng Nitrat	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	1,80	≤50	
11	Hàm lượng Sunphat	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	2,9	≤250	
12	Chỉ số Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,56	≤2	
13	Coliform tổng số	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	< 1 (KPH)	0	
14	E. coli		TCVN 6187-2:1996	< 1 (KPH)	0	
15	Clo dư	mg/l	Ref SMEWW4500-CI	0,50	0,3 - 0,5	20/9/2021

*** Ghi chú:**

- Quá trình lấy mẫu được thể hiện theo Biên bản lấy mẫu và bản giao mẫu nước số: 328/LAB ngày 20/09/2021.
- Tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống do Bộ Y tế ban hành.
- 'Phiếu Kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Dawaco.
- LabDawaco không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

KPH: Không phát hiện.

(*): Phương pháp thử chưa đăng ký công nhận.

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

*** Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN PHƯỚC THƯƠNG

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

PHẠM VIỆT HÙNG